TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2020
V/v:"*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rmah Ét và ông Chế Công Nghị.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần M Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc M - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-HN&GĐ ngày 12/12/2020; về việc Tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm: 1982 (có mặt);
Địa chỉ: thôn 2 , xã C, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1971(vắng mặt);
Địa chỉ: thôn 2 , xã Ch, huyện P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2019, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh T kết hôn vào ngày 14/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện P, tỉnh Gia Lai; việc kết hôn của chúng tôi là tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau đó thì mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, lý do là hai vợ chồng hay khúc mắc về tài chính của gia đình và việc giáo dục con cái, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng anh T chỉ hứa không thay đổi gì, anh T không quan tâm đến gia đình, hay gây áp lực cho vợ con, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, bản thân tôi không thể chịu đựng được nữa, chính vì vậy mà vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau từ lâu rồi, hiện nay tôi không còn tình cảm yêu thương anh T nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được; yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T theo quy định.

Về con chung: Tôi và anh T có 03 con chung tên Trần Thị H, sinh

năm: 05/9/1997; Trần Thanh M, sinh năm: 10/4/1999 và Trần Thanh H, sinh năm: 16/02/2001; hiện 03 con chung đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí theo quy định.

Đối với bị đơn anh Trần Thanh T: Quá trình Thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo đúng quy định của pháp luật, anh T đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị D, nhưng anh T không lên làm việc, không có mặt, nên Tòa án phải đi xác M và lập các thủ tục không tống đạt được, Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải...tại địa chỉ và nơi ở của anh T; Uỷ ban nhân dân xã và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định, nhưng anh T vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm về tố tụng:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; 54; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và hòa giải, các bước tống đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về nội dung: Quan hệ về tranh chấp Ly hôn là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết ly hôn của chị Bùi Thị D với anh Trần Thanh T.

Về con chung: chị D và anh T 03 con chung tên Trần Thị H, sinh năm: 05/9/1997; Trần Thanh M, sinh năm: 10/4/1999 và Trần Thanh H, sinh năm: 16/02/2001; hiện 03 con chung đã thành niên và tự lập được; chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản hòa giải hoặc bản khai khi Tòa án làm việc, không viết bản tự khai và cũng không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị Bùi Thị D và anh Trần Thanh T kết hôn trên cở sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chrôh Pơ Nan, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; quan hệ hôn nhân của chị D và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa chị D và anh T luôn xảy ra (theo biên bản xác M và chị D khai) vợ chồng hay bất đồng quan điểm, hay khúc mắc về tài chính của gia đình và việc giáo dục con cái, anh T không có trách nhiệm với gia đình, chị D và anh T sống ly thân nhau lâu rồi, tình cảm giữa chị D và anh T không còn. Hội đồng xét xử, xét cuộc sống vợ chồng chị D và anh T không có ý thức hỗ trợ chia sẻ nhau trong công việc, tình cảm giữa chị D và anh T thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; mặc dù anh T không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của Nguyên đơn; việc chị D khai là hoàn toàn có cơ sở, bởi lẽ việc quan tâm về tình cảm của vợ chồng phải diễn ra thường xuyên và liên tục, họ ly thân nhau quá lâu rồi, chứng tỏ họ không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình, trách nhiệm của anh T đối với vợ con trong thời gian ly thân là không còn; vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D xin ly hôn với anh T là có cơ sở.

[3] *Về con chung*: chị D và anh T 03 con chung tên Trần Thị H, sinh năm: 05/9/1997; Trần Thanh M, sinh năm: 10/4/1999 và Trần Thanh H, sinh năm: 16/02/2001; hiện 03 con chung đã thành niên và tự lập được, chị D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; 54; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị D.

Về hôn nhân: chị Bùi Thị D được ly hôn anh Trần Thanh T.

Về án phí: chị Bùi Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006421 ngày 12/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Trong thời hạn 15ngày, kể từ ngày tuyên án (22/7/2020) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng anh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-VKSND.H Phú Thiện;
-Chi cục THADS.H Phú Thiện;
-Người tham gia tố tụng;
-UBND xã nơi ĐKKH;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Bùi Đức Ruyệt